

DANH SÁCH ỨNG VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ NĂM 2019

STT	Mã số hồ sơ	Họ	Tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú/ Tạm trú	Trình độ chuyên môn	Hà đạo tạo	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Văn bằng cao nhất	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển
				Nam	Nữ												
1	Q5.THCS.002	Đỗ Thành	Thông	01/03/1996		Kinh	60/78/8/7 Lâm Văn Bền TK, Q.7	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Hoa A	Tin A		ĐH	GV THCS Hạng III	Tiếng Anh	Ba Đình
2	Q5.THCS.029	Trần Thanh Khả	Tú		16/04/1993	Kinh	593 Phan Văn Trị, P7, Q5	ĐH	VLVH	SP Tiếng Anh	Pháp B	Tin A		ĐH	GV THCS Hạng III	Tiếng Anh	Ba Đình
3	Q5.THCS.034	Phan Hồng	Linh		29/09/1992	Kinh	253A Ba Đình, P.8, Q.8	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh	Nhật N5	Tin A	NVSP	ĐH	GV THCS Hạng III	Tiếng Anh	Ba Đình
4	Q5.THCS.036	Trần Thị Tường	Vân		14/06/1984	Kinh	79F/92A, Trần Xuân Soạn Tân Hưng, Quận 7	ĐH	VLVH	SP Tiếng Anh	Trung A2	Tin B		ThS	GV THCS Hạng III	Tiếng Anh	Ba Đình
5	Q5.THCS.053	Trần Thị Yến	Ngọc		15/06/1997	Kinh	C8/7A khu phố 3, Tân Túc. Bình Chánh	CD	CQ	SP Tiếng Anh	Trung B	ƯDCB		CD	GV THCS Hạng III	Tiếng Anh	Ba Đình
6	Q5.THCS.033	Phạm Ngọc	Thảo		20/11/1995	Kinh	Áp Trà Ngao, X.Trà côn H.Trà Côn, Vĩnh Long	ĐH	CQ	Khoa học Thư viện	Toeic 545	Tin A		ĐH	NV thư viện Hạng IV	Nhân viên thư viện	Ba Đình
7	Q5.THCS.017	Nguyễn Thị Thanh	Xuân		21/02/1992	Kinh	24/6 Kim Biên, P.13, Q.5	ĐH	CQ	Văn Học	Anh B1	ƯDCB	NVSP	ĐH	GV THCS Hạng III	Ngữ văn	Kim Đồng
8	Q5.THCS.024	Phan Hoàng	Tấn	21/03/1997		Kinh	451/51B, Hai Bà Trưng P.8, Quận 3	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Anh B	ƯDCB		ĐH	GV THCS Hạng III	Ngữ văn	Kim Đồng
9	Q5.THCS.042	Bùi Thị Bích	Sen		09/01/1981	Kinh	69. Trần Quý, P.4, Q.11	ĐH	CT	SP Ngữ Văn	Anh A	Tin A		ThS	GV THCS Hạng III	Ngữ văn	Kim Đồng
10	Q5.THCS.046	Nguyễn Kim	Ngân		02/07/1995	Kinh	212 ấp 1, tổ 10, xã Trung An, Mỹ Tho, Tiền Giang	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Anh B	Tin B		ĐH	GV THCS Hạng III	Ngữ văn	Kim Đồng

STT	Mã số hồ sơ	Họ	Tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú/ Tạm trú	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Văn bằng cao nhất	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển
				Nam	Nữ												
11	Q5.THCS.003	Nguyễn Minh	Thượng	29/04/1996		Kinh	474 Ấp 1, TT Giá Rai H.Giá Rai, Bạc Liêu	CD	CQ	SP Lịch sử	Anh B	ƯDCB		CD	GV THCS Hạng III	Lịch sử	Kim Đồng
12	Q5.THCS.004	Vũ Thị	Phương		16/04/1993	Kinh	Tổ 41/18 O64, Tân Hải Long Hải, BRVT	ĐH	VLVH	SP Toán	Anh B	Tin A		ĐH	GV THCS Hạng III	Toán	Kim Đồng
13	Q5.THCS.013	Đỗ Nguyễn Phương	Uyên		09/12/1997	Kinh	22/105Q Trần Bình Trọng P.1, Q.5	ĐH	CQ	SP Toán	Anh Toeic 840	Tin A		ĐH	GV THCS Hạng III	Toán	Kim Đồng
14	Q5.THCS.015	Trần Đình	Khải	18/07/1997		Hoa	19 Lạc Long Quân, P.5, Q.11	ĐH	CQ	SP Toán	Anh Toeic 605	ƯDCB		ĐH	GV THCS Hạng III	Toán	Kim Đồng
15	Q5.THCS.018	Nguyễn Thị Bảo	Khuyên		09/12/1997	Kinh	1431/7A Tân Tiến, Biên Hòa, Đồng Nai	ĐH	CQ	SP Toán	Anh B1	ƯDCB		ĐH	GV THCS Hạng III	Toán	Kim Đồng
16	Q5.THCS.020	Nguyễn Tiến	Đạt	03/12/1997		Kinh	D5/29 Ấp 4, Xã Tân Kiên Bình Chánh	ĐH	CQ	SP Toán	Anh B2	ƯDCB		ĐH	GV THCS Hạng III	Toán	Kim Đồng
17	Q5.THCS.023	Ngô Thị Hồng	Đào		25/10/1991	Kinh	27. Đường số 3, KP6, Trường Thọ, Thủ Đức	ĐH	CQ	SP Toán	Anh B2	ƯDCB		ĐH	GV THCS Hạng III	Toán	Kim Đồng
18	Q5.THCS.025	Nguyễn Thị Lệ	Uyên		19/05/1993	Kinh	3/8 Ấp Tân Bình, X.Tân Hạnh, H.Long Hồ, Vĩnh Long	ĐH	CQ	SP Toán	Anh B	Tin B		ĐH	GV THCS Hạng III	Toán	Kim Đồng
19	Q5.THCS.066	Nguyễn Thu Thu	Huyền		10/05/1996	Kinh	Thôn 5, Đa Kho, Đa, Teh, Lâm Đồng	ĐH	CQ	SP Toán	Anh B	ƯDCB		ĐH	GV THCS Hạng III	Toán	Kim Đồng
20	Q5.THCS.014	Đoàn Kim	Xuân		27/02/1995	Kinh	117/1 Trần Bình Trọng P.2, Q.5	CD	CQ	SP Mỹ Thuật	Anh B	Tin B		CD	GV THCS Hạng III	Mỹ thuật	Kim Đồng
21	Q5.THCS.030	Bùi Lộc Thu	Ngân		18/01/1997	Kinh	94 Kinh Dương Vương P.13, Quận 6	ĐH	CQ	SP Mỹ Thuật	Anh B	ƯDCB		ĐH	GV THCS Hạng III	Mỹ thuật	Kim Đồng



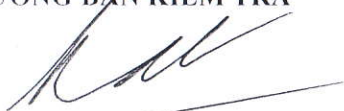
STT	Mã số hồ sơ	Họ	Tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú/ Tâm trú	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Văn bằng cao nhất	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Trưởng đăng ký dự tuyển
				Nam	Nữ												
22	Q5.THCS.070	Tô Tuệ	Mẫn		24/06/1995	Kinh	B1/29 Ấp 2A Bình Hưng, Bình Chánh	ĐH	CQ	SP Mỹ Thuật	Anh B	ƯDCB		ĐH	GV THCS Hạng III	Mỹ thuật	Kim Đồng
23	Q5.THCS.055	Nguyễn Thanh	Quỳnh		11/03/1993	Kinh	1041/19A Trần Xuân Soạn, Tân Hưng, quận 7	CD	CQ	Khoa học Thư viện	Anh B	Tin A		CD	NV thư viện Hạng IV	Nhân viên thư viện	Kim Đồng
24	Q5.THCS.064	Hồ Lâm Xuân	Hương		25/10/1993	Kinh	Phước Thành, Tuy Phước, Bình Định	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Trung B	Tin B		ĐH	GV THCS Hạng III	Tiếng Anh	Lý Phong
25	Q5.THCS.026	Nguyễn Thị Bảo	Oanh		30/05/1990	Kinh	157/86 Dương Bá Trạc, P.1, Quận 8	ĐH	CQ	Ngữ Văn	Anh B	Tin A	NVSP	ĐH	GV THCS Hạng III	Ngữ văn	Mạch Kiểm Hùng
26	Q5.THCS.038	Châu Thị Đỗ	Quyên		12/02/1997	Kinh	721 Phú Hữu I, phường Lê Chánh, Tân Châu, An Giang	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Anh A2	Tin A		ĐH	GV THCS Hạng III	Ngữ văn	Mạch Kiểm Hùng
27	Q5.THCS.040	Trần Thị	Thu		29/03/1996	Kinh	Xã Kim Hóa, Quảng Bình	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Anh B	Tin B		ĐH	GV THCS Hạng III	Ngữ văn	Mạch Kiểm Hùng
28	Q5.THCS.045	Phạm Thị	Tùng		08/03/1997	Kinh	Thôn Phước Sơn, X.Đức Hiệp H.Mộ Đức, Quảng Ngãi	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Anh C	Tin B		ĐH	GV THCS Hạng III	Ngữ văn	Mạch Kiểm Hùng
29	Q5.THCS.050	Trần Thị	Thủy		15/07/1994	Kinh	ấp Bến Sắn, xã Phước Thiện, Nhơn Trạch, Đồng Nai	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Anh B	ƯDCB		ĐH	GV THCS Hạng III	Ngữ văn	Mạch Kiểm Hùng
30	Q5.THCS.067	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên		14/04/1994	Kinh	172/2B Nguyễn Thị Nhỏ, phường 15, quận 5	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Anh B	ƯDCB		ĐH	GV THCS Hạng III	Ngữ văn	Mạch Kiểm Hùng
31	Q5.THCS.048	Trần Thị Kim	Ngân		06/08/1995	Kinh	Thôn Triêm Đức, xã Xuân Quang, Đồng Xuân, Phú Yên	ĐH	CQ	SP Lịch sử	Anh B	Tin B		ĐH	GV THCS Hạng III	Lịch sử	Mạch Kiểm Hùng
32	Q5.THCS.028	Nguyễn Thị Thu	Thảo		09/09/1997	Kinh	Tổ 1.QL50, Cần Giuộc Long An	CD	CQ	SP Địa Lý	Anh B	ƯDCB		CD	GV THCS Hạng III	Địa Lý	Mạch Kiểm Hùng
33	Q5.THCS.051	La Thị Cẩm	Hà		02/02/1996	Kinh	304/54 Hương lộ 80, Bình Hưng hòa B, Bình Tân	ĐH	CQ	SP Địa Lý	Anh B	ƯDCB		ĐH	GV THCS Hạng III	Địa Lý	Mạch Kiểm Hùng
34	Q5.THCS.005	Nguyễn Đình	Đức	22/11/1995		Kinh	606/89 Đường 3/2 P.14, Q.10	ĐH	VLVH	SP Toán	Anh B	Tin B		ĐH	GV THCS Hạng III	Toán	Mạch Kiểm Hùng
35	Q5.THCS.043	Trần Đình	Tài	17/03/1991		Kinh	82. Độc Lập, P.Tân Thành Q.Tân Phú	ĐH	VLVH	SP Toán	Anh B	Tin B		ĐH	GV THCS Hạng III	Toán	Mạch Kiểm Hùng
36	Q5.THCS.044	Nguyễn Thị	Lý		18/11/1987	Kinh	137/104/14A Phan Anh Bình Trị Đông, Bình Tân	ĐH	CQ	Toán - Tin	Anh B	Tin B	NVSP	ĐH	GV THCS Hạng III	Toán	Mạch Kiểm Hùng

STT	Mã số hồ sơ	Họ	Tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú/ Tại trú	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Văn bằng cao nhất	Chức danh nghề nghiệp tăng kỳ dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Trưởng đăng ký dự tuyển
				Nam	Nữ												
37	Q5.THCS.047	Nguyễn Thị Hải	Nam		04/09/1997	Kinh	Tổ 15, khu phố 1, Tân Châu, Tân Châu, Tây Ninh	ĐH	CQ	SP Toán	Anh B	UĐCB		ĐH	GV THCS Hạng III	Toán	Mạch Kiểm Hùng
38	Q5.THCS.065	Lê Thị Phương	Thảo		15/05/1995	Kinh	Xóm 5/1, Thân Nam Bình 2, Bình Nguyên, Đình Sơn, Quảng Ngãi	ĐH	CQ	SP Toán	Anh B1	UĐCB		ĐH	GV THCS Hạng III	Toán	Mạch Kiểm Hùng
39	Q5.THCS.009	Huỳnh Tuyết	Cúc		10/03/1980	Hoa	6/27 Đường 14A, Bình Hưng Hòa A, Bình Tân	ĐH	VLVH	SP Tiếng Anh	Pháp B	Tin A		ĐH	GV THCS Hạng III	Tiếng Anh	Mạch Kiểm Hùng
40	Q5.THCS.012	Nguyễn Thị Huyền	Anh		22/02/1998	Kinh	D18/18A Ấp 4, Tân Kiên Bình Chánh	CD	CQ	SP Kỹ thuật Nông nghiệp	Anh B	UĐCB		CD	GV THCS Hạng III	Kỹ thuật Nông nghiệp	Mạch Kiểm Hùng
41	Q5.THCS.032	Nguyễn Thị Thanh	Tâm		23/02/1994	Kinh	Tổ 3, KP4, X.Vô Xu H.Đức Linh, Bình Thuận	ĐH	CQ	SP Kỹ thuật Nông nghiệp	Anh B	UĐCB		ĐH	GV THCS Hạng III	Kỹ thuật Nông nghiệp	Mạch Kiểm Hùng
42	Q5.THCS.059	Phạm Thị	Thuận		15/11/1996	Kinh	607A Lê Minh Nhựt, Tân An Hội, Củ Chi	ĐH	CQ	SP Kỹ thuật Nông nghiệp	Anh B	UĐCB		ĐH	GV THCS Hạng III	Kỹ thuật Nông nghiệp	Mạch Kiểm Hùng
43	Q5.THCS.041	Huỳnh Anh	Quý	03/06/1989		Kinh	Xóm Xuân Hải, Trường Xuân Đông, Tam Quan Bắc, Hoài Nhơn, Bình Định	ĐH	CQ	Lịch sử	Anh B	Tin B	NVSP	ĐH	GV THCS Hạng III	Lịch sử	Trần Bội Cơ
44	Q5.THCS.001	Nguyễn Thanh	Dũng	16/10/1984		Kinh	A16-16 C/c Kim Hồng Tân Phú, TP.HCM	ĐH	VLVH	SP Toán	Anh A2	UĐCB		ĐH	GV THCS Hạng III	Toán	Trần Bội Cơ
45	Q5.THCS.006	Nguyễn Đình	Phúc	22/11/1995		Kinh	606/89 Đường 3/2 P.14, Q.10	ĐH	VLVH	SP Toán	Anh B	Tin B		ĐH	GV THCS Hạng III	Toán	Trần Bội Cơ
46	Q5.THCS.022	Nguyễn Thị Ngọc	Như		27/07/1993	Kinh	Ấp 1, X.Tân Lộc, Tam Bình, Vĩnh Long	ĐH	CQ	SP Toán-Tin	Anh B	Tin B		ĐH	GV THCS Hạng III	Toán	Trần Bội Cơ
47	Q5.THCS.027	Thái Hồng Tiểu	Linh		25/08/1996	Kinh	38/10-11 Phạm Đôn, P.10 Quận 5	CD	CQ	SP Toán	Toeic 550	UĐCB		CD	GV THCS Hạng III	Toán	Trần Bội Cơ
48	Q5.THCS.031	Trần Thị Thu	Lâm		22/05/1995	Kinh	178 Tổ Lâm Tuyền II, D'ran, H.Đon Dương Lâm Đồng	ĐH	VLVH	SP Toán	Anh B	Tin A		ĐH	GV THCS Hạng III	Toán	Trần Bội Cơ
49	Q5.THCS.049	Châu Huỳnh	Như		12/02/1996	Kinh	ấp 7, Mô Cây Nam, Bến Tre	ĐH	CQ	SP Toán	Anh A2	Tin A		ĐH	GV THCS Hạng III	Toán	Trần Bội Cơ
50	Q5.THCS.052	Bùi Sỹ	Khanh	19/10/1983		Kinh	248 CMT8, phường 10, quận 3	ĐH	CQ	SP Toán	Anh B1	UĐCB		ĐH	GV THCS Hạng III	Toán	Trần Bội Cơ

STT	Mã số hồ sơ	Họ	Tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú/ Tam trú	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Văn bằng cao nhất	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển
				Nam	Nữ												
51	Q5.THCS.054	Trần Quỳnh	Loan		16/10/1997	Kinh	Xã Cương Gián, Nghi Xuân, Hà Tĩnh	ĐH	CQ	SP Toán	Anh B1	ƯDCB		ĐH	GV THCS Hạng III	Toán	Trần Bội Cơ
52	Q5.THCS.057	Lê Thị Bích	Thủy		09/02/1992	Kinh	Thủy Thuận, An Phước, Mạng Thít, Vĩnh Long	ĐH	CQ	SP Toán-Tin	Anh C	Tin A		ĐH	GV THCS Hạng III	Toán	Trần Bội Cơ
53	Q5.THCS.060	Lê Thị	Vân		10/08/1996	Kinh	271 Long Hưng, Phú Riềng, Bình Phước	ĐH	CQ	SP Toán	Anh B	ƯDCB		ĐH	GV THCS Hạng III	Toán	Trần Bội Cơ
54	Q5.THCS.061	Phạm Hương	Ngà		08/03/1988	Mường	313 lô C1, C/C phường 6, Quận 4	ĐH	CQ	SP Toán	Anh A2	ƯDCB		ĐH	GV THCS Hạng III	Toán	Trần Bội Cơ
55	Q5.THCS.062	Lê Anh	Phong	20/06/1993		Kinh	Phước Tín, Phước Long, Bình Phước	CD	CQ	SP Toán	Anh Toeic 345	Tin B		CD	GV THCS Hạng III	Toán	Trần Bội Cơ
56	Q5.THCS.068	Phạm Thị kim	Ngân		20/03/1993	Kinh	184/7 ấp An lợi, Đông Hòa Hiệp, Cái Bè, Tiền Giang	ĐH	CQ	SP Toán	Anh B	Tin B		ĐH	GV THCS Hạng III	Toán	Trần Bội Cơ
57	Q5.THCS.069	Huỳnh Thị	Hòa		27/10/1995	Kinh	138 Lý Thường Kiệt, Huyện Đắc, Đoa, Gia Lai	ĐH	CQ	SP Toán	Anh B	Tin A		ĐH	GV THCS Hạng III	Toán	Trần Bội Cơ
58	Q5.THCS.011	Nguyễn Hoàng Yến	Linh		03/11/1992	Kinh	58/4 Phạm Văn Chiêu, P.8 Gò Vấp	ĐH	VLVH	SP Tiếng Anh	Pháp A	Tin A		ĐH	GV THCS Hạng III	Tiếng Anh	Trần Bội Cơ
59	Q5.THCS.035	Phạm Thị	Thủy		01/02/1997	Kinh	880 Thôn Vinh Sơn, X.Tĩnh Hòa, Quảng Ngãi	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Pháp B	Tin B		ĐH	GV THCS Hạng III	Tiếng Anh	Trần Bội Cơ
60	Q5.THCS.058	Lê Thị Phương	Bạch		18/05/1976	Kinh	23 Kim Biên, phường 13, quận 5	ĐH	TC	SP Anh văn	Pháp B	Tin A		ĐH	GV THCS Hạng III	Tiếng Anh	Trần Bội Cơ
61	Q5.THCS.008	Nguyễn Thị Kim	Tiền		06/01/1995	Kinh	11/21 Nguyễn Công Trứ, P.4, TP.Tuy Hòa, Phú Yên	ĐH	CQ	GD thể chất	Anh B	ƯDCB		ĐH	GV THCS Hạng III	Thể dục	Trần Bội Cơ
62	Q5.THCS.016	Lê Phương	Uyên		18/10/1993	Kinh	162 Nguyễn Bá Tông P.11, Tân Bình	ĐH	CQ	GD thể chất	Anh B	Tin A		ĐH	GV THCS Hạng III	Thể dục	Trần Bội Cơ
63	Q5.THCS.019	Trần Văn	Cường	09/03/1994		Kinh	1/105 Long Thạnh, Long Hòa, Cần Giờ	ĐH	CQ	GD thể chất	Anh B	Tin B		ĐH	GV THCS Hạng III	Thể dục	Trần Bội Cơ
64	Q5.THCS.021	Nguyễn Ngọc	Hạnh		26/04/1995	Kinh	Áp Bình An, X.An Thới Đông, H.Cần Giờ	ĐH	CQ	GD thể chất	Anh B	Tin B		ĐH	GV THCS Hạng III	Thể dục	Trần Bội Cơ
65	Q5.THCS.037	Nguyễn Thị	Yến		01/07/1996	Kinh	Thôn 11, Long Hà, H. Phú Riềng, Bình Phước	ĐH	CQ	GD thể chất	Anh B	ƯDCB		ĐH	GV THCS Hạng III	Thể dục	Trần Bội Cơ
66	Q5.THCS.039	Vô Văn	Hùng	01/01/1987		Kinh	704 Nguyễn Xiển, Long Thạnh Mỹ, Quận 9	ĐH	CQ	Huấn luyện Thể thao	Anh B	Tin B	NVSP	ĐH	GV THCS Hạng III	Thể dục	Trần Bội Cơ
67	Q5.THCS.056	Nguyễn Thành	Như	11/05/1992		Kinh	60/5 Bông Sao, P.5, Q.8	ĐH	CQ	GD thể chất	Anh B	ƯDCB		ĐH	GV THCS Hạng III	Thể dục	Trần Bội Cơ

STT	Mã số hồ sơ	Họ	Tên	Năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú/ Tạm trú	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Văn bằng cao nhất	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển	Trưởng đăng ký dự tuyển
				Nam	Nữ												
68	Q5.THCS.063	Trần Hằng	Thành	18/05/1977		Hoa	120/53a Vũ Tùng, P2, Bình Thạnh	ĐH	CQ	SP Mỹ Thuật	Anh B	Tin A		ĐH	GV THCS Hạng III	Mỹ thuật	Trần Bội Cơ
69	Q5.THCS.007	Tô Thị Thanh	Thúy		04/10/1989	Kinh	981 Phạm Thế Hiển P.5, Q.8	ĐH	CQ	SP Sinh học	Anh B	Tin A		ĐH	GV THCS Hạng III	Sinh học	Hồng Bàng
70	Q5.THCS.010	Đỗ Thị Vân	Vân		25/03/1997	Kinh	Xóm 10, Nghĩa Thắng Nghĩa Hưng, Nam Định	CD	CQ	SP Tiếng Anh	Nhật N5	ƯDCB		CD	GV THCS Hạng III	Tiếng Anh	Hồng Bàng

TRƯỞNG BAN KIỂM TRA



Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 5
Lê Thanh Hải



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 5
Trương Canh Ba